kythithpt.com
Thi thử online • Luyện như thi thật

ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 2 trang)

CHƯƠNG TRÌNH L10,L11 + HỌC KỲ 1 LỚP 12 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: TOÁN - THPT

*Thời gian làm bài: **90 phút**, không kể thời gian phát đề*

Phát hành ngày 28/07/2026

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Mã đề: T.CC1.037

ĐÚNG/SAI

Câu 1. Một quả bóng được ném lên từ mặt sân thượng. Độ cao của vật so với mặt đất, tính bằng m, được mô hình hoá bởi $h(t) = -2t^2 + 24t + 26$, trong đó t là thời gian tính bằng giây kể từ lúc ném.

a) Hệ số của t^2 âm nên đồ thị có bề lõm quay xuống.

b) Vật đạt độ cao lớn nhất tại $t = 6$ s.

c) Vật chạm đất tại $t = 13$ s.

d) Trong khoảng thời gian từ lúc ném đến $t = 6$ s, độ cao giảm dần.

Câu 2. Trong không gian $Oxyz$, cho hai điểm $A(-3;-3;-4)$ và $B(-5;5;-3)$.

a) Độ dài AB và độ dài BA khác nhau.

b) Khoảng cách giữa hai điểm được tính bằng tổng giá trị tuyệt đối của ba hiệu toạ độ.

c) Độ dài AB xấp xỉ $8,3$.

d) Nếu hai điểm trùng nhau thì vectơ nối chúng là vectơ không.

Câu 3. Trong không gian $Oxyz$, cho $\vec{u} = (1;4;8)$ và $\vec{v} = (4;2;5)$.

a) $|\vec{u}| = 9$.

b) $|\vec{u}|^2 = 82$.

c) Tích vô hướng của hai vectơ là một vectơ.

d) $\vec{u} \perp \vec{v}$.

Câu 4. Cho hàm số $y = x^3 - 3x^2 - 9x - 6$ có đồ thị (C).

a) (C) cắt trục tung tại điểm có tọa độ $(-6;0)$.

b) Hàm số có đúng hai điểm cực trị.

c) Khi $x \to +\infty$ thì $y \to +\infty$.

d) Điểm cực đại của đồ thị (C) là $(-1;-1)$.

Câu 5. Trong không gian cho 14 mặt phẳng đôi một cắt nhau, không có hai giao tuyến nào trùng nhau, và một đường thẳng d.

a) Giao của hai mặt phẳng phân biệt có điểm chung là một điểm.

b) Số giao tuyến bằng 91.

c) Đường thẳng và mặt phẳng không thể có đúng hai điểm chung.

d) Với 14 mặt phẳng ấy, số giao tuyến lớn hơn số mặt phẳng.

Câu 6. Cho hàm số $y=f(x)$ xác định và liên tục trên $\mathbb{R}$. Bảng biến thiên của hàm số cho biết $\lim\limits_{x\to-\infty} f(x)=-\infty$, $\lim\limits_{x\to+\infty} f(x)=+\infty$ hàm số đồng biến trên $(-\infty;-5)$ và $(-2;+\infty)$, nghịch biến trên $(-5;-2)$ $f(-5)=6$, $f(-2)=-1$.

a) Hàm số nghịch biến trên khoảng $(-5;-2)$.

b) Hàm số đồng biến trên khoảng $(-2;+\infty)$.

c) Hàm số có đúng 2 điểm cực trị.

d) Hàm số có giá trị nhỏ nhất trên $\mathbb{R}$ bằng -1.

Câu 7. Cho hàm số $y=\dfrac{-6x+3}{5x-6}$.

a) Đồ thị có tiệm cận đứng $x=\dfrac{6}{5}$.

b) Đồ thị có tiệm cận ngang $y=-\dfrac{6}{5}$.

c) Đồ thị có tiệm cận đứng $x=-\dfrac{6}{5}$.

d) Đồ thị hàm số có tiệm cận xiên.

Câu 8. Cho hai hàm số f, g có $\lim\limits_{x\to x_0} f(x)=-6$ và $\lim\limits_{x\to x_0} g(x)=1$. Ngoài ra xét hàm $h(x)=\dfrac{x^2-x-20}{x^2-2x-24}$.

a) $\lim\limits_{x\to x_0}[f(x)+g(x)]=-5$.

b) $\lim\limits_{x\to x_0}[f(x)g(x)]=-5$.

c) $\lim\limits_{x\to x_0}\dfrac{f(x)}{g(x)}=-\dfrac{1}{6}$.

d) $\lim\limits_{x\to-4} h(x)=\dfrac{9}{10}$.

Câu 9. Cho hàm số $y=\dfrac{x^2+3}{x+5}$.

a) Hàm số xác định tại $x=-5$.

b) Phần dư của phép chia tử cho mẫu bằng 29.

c) Đồ thị nhận giao hai tiệm cận làm tâm đối xứng.

d) Phương trình $\dfrac{x^2+3}{x+5}=0$ có nghiệm thực.

Câu 10. Cho hàm số $y=x^3-6x^2-15x+6$.

a) Hàm số đồng biến trên $(-1;5)$.

b) Giá trị cực tiểu của hàm số bằng -94.

c) Giá trị cực đại của hàm số bằng -94.

d) Hàm số không có cực trị.